

THỰC TRẠNG KĨ NĂNG HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN TRONG MÔI TRƯỜNG ĐÀO TẠO TÍN CHỈ Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

ThS. NGUYỄN TUẤN KHANH*

Để sinh viên (SV) tổ chức tốt hoạt động học (HĐH) theo phương thức đào tạo tín chỉ (ĐTTC), trước hết họ cần phải có những kĩ năng học tập (KNHT) cơ bản. KNHT chính là chìa khóa giúp SV vượt qua những trở ngại khi học tập (HT) theo phương thức ĐTTC; KNHT cần được trang bị và rèn luyện ngay từ khi SV bước vào trường học và chính những KN cơ bản này sẽ giúp SV có niềm tin, tự chủ, độc lập, sáng tạo trong quá trình lĩnh hội tri thức, nhưng thực tế KNHT của SV còn nhiều hạn chế.

1. Thực trạng KNHT của SV trong môi trường ĐTTC ở ĐBSCL qua khảo sát (4/2013) 567 SV và 252 cán bộ, GV của 3 trường cao đẳng (CĐSPKT Vĩnh Long, CĐKT-KT Cần Thơ, CĐKT-KT Kiên Giang) và 2 trường đại học (ĐH Cần Thơ, ĐH Cửu Long) đang thực hiện phương thức ĐTTC tại ĐBSCL.

1) Một số khó khăn khi thực hiện chuyển đổi phương thức đào tạo (ĐT). Chuyển đổi phương thức ĐT từ niên chế sang ĐTTC đòi hỏi phải đổi mới nội dung chương trình, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá một cách đồng bộ. Nhiệm vụ này hiện còn rất khó khăn với số đông giảng viên (GV). Khảo sát cho thấy: 54,8% GV cho rằng và rất khó "Xây dựng chương trình ĐT, để cương chi tiết phù hợp với phương thức ĐTTC"; 53,6% GV cho rằng rất khó "Tổ chức dạy học nhằm phát huy tính tích cực, sáng tạo của SV"; 86,4% GV cho rằng rất khó "Tổ chức và theo dõi hoạt động tự học của SV"; 47% GV cho rằng rất khó "Tổ chức kiểm tra đánh giá phù hợp phương thức ĐTTC". Nguyên nhân của những khó khăn do: năng lực xây dựng chương trình của GV còn hạn chế; cơ sở vật chất chưa đáp ứng yêu cầu; việc ứng dụng công nghệ hiện đại vào quản lí và dạy học còn chậm, chưa đồng bộ; hệ thống cố vấn HT chưa thích ứng phương thức ĐT mới; SV chưa chuyển đổi và tiếp cận được phương thức HT chủ động, thiếu năng lực tự học, thiếu năng động, sáng tạo,...

SV cũng tự đánh giá được những hạn chế, khó khăn gặp phải khi tham gia môi trường HT theo hình thức ĐTTC là việc phải hoàn thành các bài tập, tiểu luận, báo cáo chuyên đề của GV giao (64,6% SV cho rằng khó

và rất khó hoàn thành). Nguyên nhân: 43,1% SV khó tìm kiếm được tài liệu tham khảo theo yêu cầu của GV; 48,3% SV không tìm được địa điểm phù hợp cho tổ chức hoạt động nhóm ngoài giờ lên lớp; 54,1% SV cho rằng khó và rất khó bố trí thời gian HT và sinh hoạt một cách khoa học. Bên cạnh nguyên nhân khách quan (môi trường, điều kiện HT), nguyên nhân chính vẫn là yếu tố chủ quan từ bản thân SV, các em còn thiếu những KNHT cơ bản, thích ứng với phương thức ĐTTC.

2) Thực trạng KNHT của SV trong môi trường ĐTTC ở ĐBSCL. Theo tác giả Đặng Thành Hưng, KNHT là "những dạng chuyên biệt của năng lực thực hiện hành động cá nhân trong việc giải quyết các nhiệm vụ HT, hoặc năng lực tiến hành hoạt động HT của cá nhân người học" (1). Vậy, để có năng lực tự học người học phải có những KNHT cơ bản như: KN quản lí thời gian; KN tìm kiếm, khai thác tài liệu; KN xử lí thông tin HT; KN HT theo nhóm; KN làm tiểu luận, dự án; KN trình bày trước đám đông; KN tự kiểm tra, đánh giá. Xuất phát từ những cơ sở trên, chúng tôi đã tiến hành gửi phiếu hỏi cho SV tự đánh giá và xin ý kiến đánh giá của GV. Kết quả thu được như sau:

| TT | Các KN | | Giảng viên | | SV | |
|----|---------------------------------------|----|---------------------------|------------|-----------------|------------|
| | | | Chưa thành thạo hoặc TĐTT | Thành thạo | Chưa thành thạo | Thành thạo |
| 1 | KN quản lí thời gian | SL | 148 | 4 | 519 | 48 |
| | | % | 97,4 | 2,6 | 91,5 | 8,5 |
| 2 | KN tìm kiếm, khai thác tài liệu HT | SL | 140 | 12 | 468 | 99 |
| | | % | 92,1 | 7,9 | 82,5 | 17,5 |
| 3 | KN xử lí thông tin HT | SL | 145 | 6 | 498 | 69 |
| | | % | 96,0 | 4,0 | 87,8 | 12,2 |
| 4 | KN HT theo nhóm | SL | 129 | 20 | 445 | 110 |
| | | % | 86,6 | 13,4 | 80,6 | 19,4 |
| 5 | KN trình bày trước đám đông | SL | 141 | 10 | 514 | 53 |
| | | % | 93,3 | 6,7 | 90,7 | 9,3 |
| 6 | KN làm tiểu luận, dự án... | SL | 146 | 4 | 527 | 40 |
| | | % | 97,3 | 2,7 | 93,9 | 7,1 |
| 7 | KN tự kiểm tra, đánh giá quá trình HT | SL | 142 | 8 | 477 | 90 |
| | | % | 94,7 | 9,3 | 84,1 | 15,9 |

Bảng trên cho thấy, hầu hết SV tự đánh giá 7 KNHT cơ bản được hỏi ở mức chưa thành thạo hoặc chỉ tương đối thành thạo; KN làm tiểu luận, dự án là KNHT

* Ban Tuyên giáo tỉnh ủy Kiên Giang

giúp SV giảm bớt khó khăn trong việc hoàn thành các bài tập, tiểu luận, chuyên đề GV giao nhưng có đến 93,9% SV và 97,3% GV cho là KN này của SV ở mức chưa thành thạo hoặc chỉ tương đối thành thạo; KN trình bày trước đám đông là một trong những KNHT rất cần khi SV tham gia HT theo ĐTTC nhưng có đến 90,7% SV và 93,3% GV đánh giá ở mức độ chưa thành thạo hoặc tương đối thành thạo; KN quản lý thời gian là một trong những KNHT quan trọng giúp cho SV thực hiện việc lập kế hoạch HT, tổ chức các HĐH một cách hợp lý, khoa học và đạt hiệu quả cao thì có 91,5% SV và 97,5% GV cho rằng hiện tại SV chưa thành thạo hoặc chỉ tương đối thành thạo; có 84,1 SV và 94,7 GV cho rằng KN tự kiểm tra, đánh giá của SV còn hạn chế, điều này thể hiện năng lực tự học của các em chưa thích ứng tốt với môi trường ĐTTC.

Tóm lại, bản thân SV cũng như GV đánh giá các KNHT cơ bản của SV hiện nay còn nhiều hạn chế. Mặc dù, trong thời gian qua các trường đã chú trọng đến việc hướng dẫn các em cách đăng kí học phần, cách học theo tín chỉ trong đợt sinh hoạt đầu khóa (89,9% GV và 78,1% SV cho rằng nhà trường có tổ chức hoạt động này); giáo viên bộ môn bồi dưỡng phương pháp học cho SV trong quá trình giảng dạy (88,0% GV và 70,9% SV cho GV đã thực hiện).

2. Một số kiến nghị, đề xuất nhằm hình thành và phát triển KNHT cho SV phù hợp với môi trường ĐTTC

1) Nâng cao năng lực thực hiện nhiệm vụ cho đội ngũ cố vấn học tập (CVHT) trong nhà trường. Đội ngũ "CVHT" trong nhà trường thực hiện phương thức ĐTTC là người hướng dẫn, tư vấn, tổ chức cho SV thực hiện hầu hết các hoạt động HT tại nhà trường: lựa chọn, đăng kí học phần; lập kế hoạch HT (thời khóa biểu) theo từng cá nhân; tư vấn việc HT tại lớp, thông qua kế hoạch, đề cương chi tiết của GV bộ môn; hướng dẫn, theo dõi, đánh giá các HĐH ngoài giờ lên lớp theo yêu cầu của GV bộ môn... Tuy nhiên, qua kết quả khảo sát có đến 55,4% GV cho rằng cán bộ làm công tác CVHT hiện nay chưa thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ. Vì vậy, để có một đội ngũ CVHT thực hiện đầy đủ chức trách, nhiệm vụ, nhà trường cần: - Xây dựng và ban hành quy định về công tác CVHT trong ĐTTC; - Lựa chọn cán bộ có năng lực chuyên môn và có kiến thức xã hội tốt; - Tổ chức bồi dưỡng cho cán bộ CVHT xác định rõ vai trò, trách nhiệm; đồng thời, huấn luyện KN tư vấn, KNHT cơ bản cho đội ngũ này để họ thực hiện tốt hơn nhiệm vụ được giao; - Xây dựng các chế độ, chính sách phù hợp nhằm khuyến khích đội ngũ này làm tốt và từng bước tiến đến sự chuyên nghiệp cao.

2) Hình thành các câu lạc bộ (CLB) HT thông qua hoạt động của Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh (ĐTNCSHCM). Một trong các nhiệm vụ của ĐTNCSHCM ở trường đại học, cao đẳng là rèn luyện các KN cho thanh niên trong lập thân, lập nghiệp. Trong nhà trường tổ chức này có chức năng tập hợp, giáo dục, rèn luyện SV về tư tưởng chính trị; đạo đức, lối sống; KN ứng xử, giao tiếp, KN HT... qua hình thức CLB. Tuy nhiên, qua khảo sát chỉ có 23,5% GV và 36,9% SV cho rằng hiện nay các trường có tổ chức các CLB HT, đây là tỉ lệ thấp. Bởi vì, ĐTTC là một mô hình giáo dục tiên tiến qua đó SV ngoài việc chủ động HT và nghiên cứu kiến thức qua sách vở, các em cần có nhiều diễn đàn HT thông qua việc thành lập các CLB học thuật để trao đổi kiến thức, rèn luyện KN sống như: CLB tiếng Anh, CLB Tin học, CLB Tâm lí giáo dục, CLB Nghiên cứu khoa học... Bên cạnh các CLB học thuật, Đoàn trường tổ chức các CLB đội - nhóm như: CLB Gia sư, CLB Từ thiện, CLB Văn nghệ, CLB Thể thao... Vì vậy, để tạo được các diễn đàn cho SV tham gia rèn luyện KN, nhà trường cần có kế hoạch giao cho tổ chức Đoàn hoặc thông qua Hội SV tổ chức các CLB phù hợp với nguyện vọng của SV và điều kiện của trường nhằm hình thành và phát triển KNHT cho SV.

3) Biên soạn tài liệu bồi dưỡng KNHT cho SV ngay từ đầu khóa học. Từ bậc học phổ thông, học sinh chưa được giáo dục, rèn luyện để có những KNHT cơ bản (như: KN quản lý thời gian; KN tìm kiếm, khai thác tài liệu; KN làm việc theo nhóm; KN trình bày trước đám đông; KN tự kiểm tra, đánh giá...) mà phần lớn các KN được hình thành và phát triển theo kinh nghiệm cá nhân thông qua sự hướng dẫn hoặc yêu cầu của giáo viên bộ môn. Chính vì vậy, chúng tôi đề nghị các trường biên soạn tài liệu bồi dưỡng KNHT cho SV ngay từ đầu khóa học nhằm giúp SV ngay khi tiếp cận phương thức ĐTTC hiểu rõ đặc điểm, tính chất và cách thức triển khai trong quá trình ĐT; các em thấy rõ trách nhiệm HT của bản thân trong cả quá trình ĐT; hiểu tầm quan trọng KNHT, biết con đường hình thành và phát triển KNHT, biết phương pháp rèn luyện và tự rèn luyện KNHT cho bản thân, ứng dụng những KNHT cơ bản để thực hiện tốt nhiệm vụ HT theo yêu cầu của GV.

Để đạt được mục đích trên, tài liệu và phương pháp bồi dưỡng KNHT được nghiên cứu và biên soạn theo hướng tiếp cận dạy học module, với cấu trúc tài liệu gồm hai phần chính: - Những kiến thức chung về ĐTTC và KNHT; - Hệ thống các module KNHT cơ

bản - phần này được thiết kế theo các bước công việc thực hiện để giúp SV rèn luyện KNHT theo một quy trình cụ thể và hệ thống bài tập giúp SV ứng dụng thực hiện nhiệm vụ HT của mình ngay từ đầu khóa học như: lập kế hoạch HT theo tuần, học kì, năm học; đọc là tóm lược nội dung của một giáo trình; thảo luận, giải quyết một vấn đề theo nhóm; trình bày vấn đề trước đám đông; tự đánh giá bản thân...

Thực hiện phương thức ĐTTC đòi hỏi đổi mới phương pháp dạy phải song hành với đổi mới phương pháp học. Để giúp SV có năng lực tự học thích ứng với phương thức ĐT này, nhà trường phải tăng cường công tác nghiên cứu HĐH của SV và từng bước lựa chọn những giải pháp phù hợp việc hình thành và phát triển KNHT cho SV của môi trường. Chúng tôi tin rằng, nếu biên soạn được tài liệu chuyên đề KNHT theo tiếp cận dạy học module và dựa trên tài liệu đó tổ chức rèn luyện KNHT với quy trình làm mẫu, thực hành cá nhân và theo nhóm thì sẽ hình thành và phát triển ở SV những KNHT cơ bản thích ứng với phương thức ĐTTC. □

Phương pháp tiếp cận và...

(Tiếp theo trang 14)

Tất cả đều phải gắn liền với quá trình tích lũy tri thức về dạy học và GD con người.

6) Đảm bảo thống nhất giữa GDHVVHHT cho SV với các nội dung GD khác. GDHVVHHT có quan hệ và liên hệ mật thiết với các mặt, các nội dung GD khác như GD hành vi đạo đức, GD kĩ năng sống, GD thẩm mỹ, GD lao động,... GDHVVHHT phải tận dụng được kết quả và nội dung GD các mặt khác của con người đồng thời hỗ trợ các mặt, các nội dung GD ấy đạt hiệu quả.

Trên đây là những phương pháp tiếp cận chủ yếu và những nguyên tắc GDHVVHHT cho SV được xác định dựa trên góc độ tiếp cận chủ yếu này, là những nội dung có ý nghĩa then chốt đảm bảo tổ chức tiến hành GD HVVHHT cho SV đạt hiệu quả. □

(1) Vũ Thị Thúy Hằng. "Một số vấn đề lí luận về giáo dục hành vi văn hóa học tập cho sinh viên các trường đại học sư phạm". *Tạp chí Giáo dục*, số 299, năm 2012.

(2) Lê Văn Anh. Vấn đề giáo dục giá trị cho thanh niên trong bối cảnh Việt Nam gia nhập WTO. Kỉ yếu khoa học *Giáo dục Việt Nam đổi mới và phát triển* (tập 1). Viện Khoa học giáo dục Việt Nam, năm 2011.

(1) Đặng Thành Hưng. *Cơ sở lí luận và khung chuẩn của hệ thống kĩ năng học tập hiện đại ở các cấp học phổ thông* (Đề tài mã số V2004-02 Viện Chiến lược và chương trình giáo dục), H. 2007.

Tài liệu tham khảo

1. Bùi Kim Chi. "Kĩ năng học tập của sinh viên Luật trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ". *Tạp chí Luật học*, số 7/2010.

2. Đặng Thành Hưng. "Hệ thống kĩ năng học tập hiện đại". *Tạp chí Giáo dục*, số 78/2004.

3. Nguyễn Thành Long. **Kĩ năng học đại học và phương pháp nghiên cứu**. NXB Giáo dục, H. 2008.

4. Vũ Trọng Rỹ. *Phương pháp hình thành kĩ năng làm việc với sách giáo khoa cho học sinh cấp I và II*, (Đề tài B91-37-16, Viện Khoa học giáo dục, H. 1994.

SUMMARY

The author has presented the results of survey on the reality of university and college students' learning skills in the Mekong delta, and petitioned for building up and developing the students' learning skills in the credit-based training scheme.

(3) Phạm Minh Hạc. "Phương pháp tiếp cận hoạt động-giá trị - nhân cách và triết lí giáo dục". *Tạp chí Nghiên cứu con người*, số 5, năm 2006.

(4) Văn Tùng. **Tư tưởng Hồ Chí Minh về tổ chức, giáo dục thanh niên**. NXB Thanh niên, H. 2007.

Tài liệu tham khảo

Phạm Minh Hạc. *Phương pháp tiếp cận hoạt động - nhân cách và giáo dục hiện đại*. Bài giảng tại Hội nghị Quốc tế lần II về nghiên cứu lí thuyết hoạt động (từ 21-25/5/1990 tại Phần Lan).

SUMMARY

The prerequisite in organization of student learning cultural behavior education is that to identify approach and educational principles. That gives facilities for educators of orienting as the best way in choice of educational content, method and mode. Based on psychological characteristics, nature of activities of pedagogical students, educational content of learning cultural behavior, we determine that activity and value approach are main approaches. On that basis, it is necessary for educators to recognize and grasp thoroughly as principles are that: to ensure educational purposes, educational activities, to ensure values, practices; to promote the role of will, voluntariness of students; to ensure suitability for psychological characteristics and features of pedagogical students; to ensure consistency among educational content of learning cultural behavior and other educational content.